

Số: /BC-UBND
(DỰ THẢO)

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn huyện nông thôn mới
nâng cao năm 2023 đối với huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đồng Nai đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai đến năm 2025;

Xét đề nghị của UBND huyện Xuân Lộc tại Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 26/4/2023 về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận huyện Xuân Lộc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với huyện Xuân Lộc của các sở, ngành tỉnh; UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới cho huyện Xuân Lộc năm 2023, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 04/5/2023 đến ngày 29/6/2023)

1. Về hồ sơ

UBND huyện Xuân Lộc lập hồ sơ đề nghị công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023 gồm:

- Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 26/4/2023 của UBND huyện Xuân Lộc về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận huyện Xuân Lộc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Báo cáo số 228/BC-UBND ngày 25/4/2023 của UBND huyện Xuân Lộc về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 của huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;

- Báo cáo số 229/BC-UBND ngày 25/4/2023 của UBND huyện Xuân Lộc về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 trên địa bàn huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;

- Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 25/4/2023 của UBND huyện Xuân Lộc về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện;

- Biên bản họp Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới huyện Xuân Lộc ngày 25/4/2023 về đề nghị xét, công nhận huyện Xuân Lộc đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Danh sách 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện;

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện Xuân Lộc.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao

2.1. Về Công tác chỉ đạo điều hành

Quán triệt tinh thần chỉ đạo trên của Trung ương, sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Huyện đã chỉ đạo quyết liệt cả hệ thống chính trị vào cuộc với tinh thần quyết tâm chính trị và trách nhiệm cao. Ngay sau khi đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014, Huyện đã xây dựng, ban hành Nghị quyết số 13-NQ/HU về "Nâng cao chất lượng xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2015-2020".

Hàng năm, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện xây dựng kế hoạch độc lập, hoặc phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát các địa phương về tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và có thông báo kết luận, chỉ đạo từng ngành, từng đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ tiếp theo.

Với quyết tâm thực hiện mục tiêu huyện Xuân Lộc đạt huyện nông thôn mới nâng cao trong năm 2023. Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo, phân công các đồng chí Trưởng các phòng, ban phụ trách từng xã để theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc; kịp thời báo cáo, đề xuất Huyện ủy, UBND huyện chỉ đạo, xử lý; Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới huyện phân công các thành viên phụ trách địa bàn thường xuyên làm việc với UBND các xã để đánh giá, rà soát từng tiêu chí, các hạng mục cần đầu tư, xác định nguồn vốn cần bổ sung để thực hiện đạt các tiêu chí, kịp thời chỉ đạo các ngành hỗ trợ các địa phương, giữ vững nông thôn mới đạt chuẩn, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

2.2. Về công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

Xác định truyền thông trong xây dựng nông thôn mới là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, Huyện đã tổ chức thực hiện với tinh thần đổi mới mạnh mẽ và đảm bảo có hiệu quả trên tất cả các mặt: Nội dung truyền thông, đối tượng truyền thông và phương thức truyền thông. Kết quả từ năm 2015 đến nay, huyện đã thực hiện trên 832 chuyên mục, với trên 4

Truyền thanh các xã, thị trấn, tổng thời lượng tuyên truyền trên 3.450 giờ; ngoài ra, tham gia cộng tác trên 970 tin, bài trên sóng đài Phát thanh-Truyền hình Đồng Nai, báo Đồng Nai; tổ chức hơn 50 hội thi, hội diễn văn hóa văn nghệ, thể thao quần chúng; thực hiện 5.690 m² pano, 20.948m băng rôn, khẩu hiệu; tổ chức hơn 600 cuộc tuyên truyền lưu động và tổ chức 80 buổi biểu diễn lưu động kết hợp tuyên truyền xây dựng nông thôn mới; trang thông tin điện tử của huyện mở chuyên mục về xây dựng nông thôn mới, đã đăng tải được 9.125 tin, bài, hình ảnh, phóng sự, phóng vấn, văn bản chỉ đạo điều hành về công tác xây dựng nông thôn mới; cấp phát trên 20.000 tài liệu tuyên truyền (tờ gấp, file, clip và các tài liệu liên quan) đến các xã, thị trấn, mô hình, cách làm hay trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu...

Bên cạnh đó công tác đào tạo, tập huấn cũng được chú trọng và đạt được những kết quả như: Ban Chỉ đạo huyện đã phối hợp với Văn phòng điều phối tỉnh tổ chức được 07 lớp và tự tổ chức 10 lớp tập huấn kiến thức về xây dựng nông thôn mới với số lượt tham gia trên 2.500 lượt. Nhìn chung, qua công tác tập huấn, tuyên truyền, đội ngũ cán bộ, công chức từ huyện đến xã đều tham gia đầy đủ và học tập nghiêm túc, nắm được các nội dung tập huấn; từ đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện Chương trình đạt kết quả cao.

3. Huyện Xuân Lộc đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2014 tại Quyết định số 2394/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ. So với Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới tại Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay huyện đã đạt 9/9 tiêu chí, 38/38 chỉ tiêu.

4. Về số xã, thị trấn đã đạt chuẩn theo quy định

4.1. Số xã đã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 14 xã
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 14 xã
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 14
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: (14/14) xã đạt nông thôn mới nâng cao theo bộ tiêu chí giai đoạn 2016 – 2020; trong đó, có 57,14% (08/14) xã đạt nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

4.2. Số thị trấn đã đạt chuẩn theo quy định

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 01
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100% (01/01).

5. Về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã

5.1. Về quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

UBND huyện đã chỉ đạo các xã xây dựng quy hoạch, gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn và tổ chức thực hiện tốt

(trong đó, có quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch). Trong quá trình thực hiện, để phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, huyện đã chỉ đạo các xã thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, trong đó có quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã... theo đúng quy định của pháp luật.

5.2. Về giao thông

Trong giai đoạn 2015-2022, huyện chỉ đạo UBND các xã rà soát hiện trạng và có kế hoạch cụ thể tiếp tục đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống giao thông tại các địa phương, với phương châm “Nhà nước với nhân dân cùng làm”. Kết quả, toàn huyện đã hoàn thành 532 tuyến đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài 295,14 km, tổng mức đầu tư 450,84 tỷ đồng. Trong năm 2023, UBND các xã tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng 115 tuyến đường giao thông nông thôn, tổng chiều dài 88,91 km, tổng mức đầu tư 185,84 tỷ đồng; đến nay, hoàn thành 15 công trình với tổng chiều dài 8,28 km; đang thi công 33 công trình, tổng chiều dài 24,25 km; 67 công trình chuẩn bị khởi công, tổng chiều dài 56,38 km, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu 2.1: Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 14/14 xã đạt 100%.

- Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp: 14/14 xã đạt.

- + Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm: Đạt 100%.

- + Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt 100%.

- Chỉ tiêu 2.3: Tỷ lệ đường ngõ, xóm: 14/14 xã đạt.

- + Được nhựa hóa hoặc bê tông hóa: Đạt $\geq 70\%$.

- + Sáng - xanh - sạch - đẹp: Đạt $\geq 95\%$.

- Chỉ tiêu 2.4: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 14/14 xã đạt.

5.3. Về thủy lợi và phòng chống thiên tai

Với tinh thần, thực hiện đầu tư, xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại, đa mục tiêu. Kết quả, đến nay: Huyện đã hoàn thành xây dựng hồ chứa nước Gia Măng để phục vụ sản xuất cho khoảng 500 ha tại cánh đồng xã Xuân Hiệp, Xuân Tâm và Lang Minh; đầu tư 19,656 km hệ thống kênh mương. Đến nay, trên địa bàn hiện có 3 công trình đập, hồ chứa loại lớn gồm hồ Gia Măng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le với tổng dung tích ứng với

- Chỉ tiêu 3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động: 95% diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện được tưới và chủ động. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 3.2 Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả bền vững. Đối với các xã Xuân Phú, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Lang Minh, Xuân Hiệp, Bảo Hòa có hệ thống kênh mương, công trình thủy lợi, UBND các xã đã tổ chức các hộ dân dùng nước thành lập Tổ hợp tác dùng nước (tổ chức thủy lợi cơ sở) theo quy định của Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác. Qua đánh giá, các Tổ hợp tác dùng nước có số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt trên 80 điểm, đạt yêu cầu tiêu chí (yêu cầu: trên 70 điểm). Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 3.3 Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: 52% diện tích được áp dụng tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 3.4 Có 100% công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: Các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện được bảo trì sửa chữa thường xuyên; được kiểm soát tốt việc xả thải vào công trình thủy lợi. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 3.5 Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 3.6 Đảm bảo yêu cầu chủ động và phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: công tác phòng chống thiên tai ở các xã được huyện quan tâm chỉ đạo rà soát và kiện toàn ban chỉ huy phòng chống thiên tai; kiện toàn đội xung kích thường xuyên và luôn đảm bảo về nhân sự để thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai của địa phương; xây dựng và cập nhật phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai. Qua đánh giá bảng điểm đối với công tác phòng chống thiên tai các xã đều đạt từ 85 điểm trở lên, xếp loại **tốt**. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.4. Về điện

Giai đoạn 2015-2022, huyện Xuân Lộc đầu tư 101 công trình điện với 409,46 km đường dây trung thế, 181,71 km đường dây hạ thế và 392 trạm biến áp có công suất 55.392,5 kVA với tổng mức đầu tư 357.647,4 triệu đồng. Đến nay, huyện Xuân Lộc có 747,75 km đường dây trung thế, 1.467,63 km đường dây hạ thế, 1.511 trạm biến áp với tổng công suất 1.551.088 kVA (trong đó có 572,98 km đường dây trung thế 3 pha, 252,12 km đường dây hạ thế 3 pha, 750 trạm biến áp 3 pha với công suất 1.484.743 kVA; 174,77 km đường dây trung thế 1 pha; 1.215,52 km đường dây hạ thế 1 pha; 761 trạm biến áp 1 pha với công suất 66.345 kVA). Đánh giá 14/14 xã đạt chuẩn tiêu chí về điện.

5.5. Về giáo dục

trường học nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ở các cấp học. Kết quả thực hiện tiêu chí cụ thể, :

- Chỉ tiêu 5.1 Tỷ lệ các cấp học (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: Tổng số trường mầm non, tiểu học và THCS trên địa bàn huyện năm học 2022-2023 có 66 trường (mầm non 18, tiểu học 31, THCS 16 và 01 trường TH-THCS); số trường đạt chuẩn quốc gia là 63/66 trường (tỷ lệ 95,45%), đặc biệt số trường đạt chuẩn mức độ 2 là 05 trường gồm: Tiểu học Xuân Hòa, Tiểu học Xuân Tâm 2, Tiểu học Minh Tân, Tiểu học Đình Tiên Hoàng và Trường tiểu học –Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Cánh (7,58%); ngoài ra huyện có 06 trường mẫu giáo ngoài công lập.

- Chỉ tiêu Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: Năm học 2022-2023 thực hiện huy động với tổng số học sinh: 11.674/11.829 đạt tỷ lệ 98,26% (trong đó Nhà trẻ 1.700/3.000 đạt tỷ lệ 56,66%; Mẫu giáo 9.974/8.829 đạt tỷ lệ 112,96%; Trẻ 5 tuổi 3.840/3.429 đạt tỷ lệ 111,98%). Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 5.3 Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS và Chỉ tiêu 5.4 Về đạt chuẩn xóa mù chữ: UBND huyện Xuân Lộc năm 2022 đã ban hành Quyết định số 13543/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 về công nhận phổ cập Giáo dục, xóa mù chữ năm 2022. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 5.5 Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại khá: Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng các xã được UBND huyện Xuân Lộc đánh giá hoàn thành khá tốt nhiệm vụ tại Quyết định 843/QĐ-UBND ngày 27/3/2023. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 5.6 Có mô hình giao dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: 14/14 xã và các trường học đã tổ chức thành lập và hoạt động có hiệu quả với các câu lạc bộ như câu lạc bộ Võ cổ truyền; Câu lạc bộ cờ vua, bóng đá, bóng rổ; Câu lạc bộ cầu lông, Câu lạc bộ Bơi lội... thu hút nhiều người dân, giáo viên và học sinh tham gia. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.6. Về văn hóa

Với quan điểm vừa là động lực, vừa là sự dẫn dắt cho sự phát triển, huyện đã chỉ đạo, tập trung đồng bộ trên cả hai mặt (cơ sở vật chất và hoạt động). Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1 Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: Các ấp trên địa bàn huyện có Nhà Văn hóa và được trang bị ít nhất từ 02 đến 05 dụng cụ thể dục

thao và mỗi ấp, khu phố có 01 Câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ; 04 chi hội võ thuật thường xuyên sinh hoạt (Taekwondo, Karatedo, Vovinam và Võ cổ truyền); 15 đội tuyển thể thao quần chúng tại các xã, thị trấn, cùng với các thiết chế văn hóa, thể thao của Nhà nước, các thành phần kinh tế tham gia xã hội hóa đầu tư kinh doanh dịch vụ thể thao đã góp phần đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 6.2 Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy được đúng giá trị: trên địa bàn huyện Xuân Lộc có 03 Di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh được xếp hạng và công nhận, trong đó Di tích quốc gia núi Chứa Chan được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng tại Quyết định số 1204/QĐ-BVHTTDL ngày 29/3/2012; Di tích lịch sử Căn cứ Rừng Lá xã Xuân Hòa được UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh tại Quyết định số 3456/QĐ-UBND ngày 02/10/2018; Danh lam thắng cảnh hồ Núi Le, thị trấn Gia Ray được UBND tỉnh Đồng Nai xếp hạng tại Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 07/5/2019. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 6.3 Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: Toàn huyện có 84/84 ấp đã được UBND huyện công nhận đạt chuẩn ấp văn hóa. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.7. Về Cơ sở hạ tầng, thương mại

Với mục tiêu thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng và tăng thu nhập nâng cao mức sống của nhân dân, đảm bảo thị trường phát triển hàng hóa ổn định, huyện đã phát huy tốt vai trò vị trí mạng lưới chợ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Giai đoạn 2015-2022, huyện đã nâng cấp, sửa chữa 07 chợ gồm (chợ Suối Cát, chợ Xuân Bắc, chợ Gia Ray, chợ Xuân Đà, chợ Xuân Hưng, chợ Bảo Hòa, chợ Thọ Lộc) với tổng mức đầu tư 8.068 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh, tiểu thương, dự án Lifesap; nâng cấp chợ Xuân Lộc với tổng vốn đầu tư 3.701 triệu đồng từ nguồn ngân sách huyện. Đến nay, có 14 chợ hoạt động theo quy hoạch, đã phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi như Bách hóa xanh, cửa hàng bách hóa,... đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và nhu cầu tiêu dùng, mua sắm của người dân; 14/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, trong đó có 04/14 xã (Bảo Hòa, Xuân Hưng, Xuân Tâm, Suối Cát) có chợ hạng 2.

5.8. Về thông tin và truyền thông

Ngay từ khi triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện đã xác định thông tin và truyền thông là một giải pháp quan trọng để chỉ đạo, hướng dẫn và phản ánh việc thực hiện kịp thời công tác xây dựng nông thôn mới. Kết quả thực hiện tiêu chí về thông tin truyền thông, cụ thể:

- Chỉ tiêu 8.1 Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công

thông minh đạt 88,3% theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông năm 2022. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 8.3 Có dịch vụ báo chí, truyền thông: 14/14 xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên. Thực hiện tiếp âm đài truyền thanh huyện, đài tiếng nói Việt Nam và tin tức địa phương phát sóng 02 buổi/ngày. Đồng thời có các điểm cung cấp dịch vụ đọc sách, báo miễn phí cho người dân như: Thư viện, Trung tâm Văn hóa Thể thao-Học tập cộng đồng xã và nhà văn hóa ấp. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 8.4 Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế- xã hội: 14/14 xã đều đạt các tiêu chí quy định về tất cả dịch vụ công đều trực tuyến một phần và toàn phần. Qua triển khai thực hiện đến nay trên địa bàn huyện có 524 thủ tục, trong đó thủ tục dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn phần: 274, trong đó: Dịch vụ công trực tuyến một phần là 45 (mức 3) thủ tục và toàn phần là 229 (mức 4) thủ tục, tập trung trên tất cả các lĩnh vực về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường Ngoài ra, phối hợp các ngành đưa 100% sản phẩm OCOP lên trên nền tảng Sàn thương mại điện tử để giới thiệu, quảng bá. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 8.5 Có mạng Wifi miễn phí ở các điểm công cộng: 14/14 xã có thực hiện lắp đặt mạng Wifi miễn phí tại các điểm cộng cộng như: UBND cấp xã, Trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng, nhà văn hóa ấp. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.9. Về nhà ở dân cư

Trên địa bàn huyện không có nhà tạm, nhà dột nát. Tổng số nhà đạt chuẩn của Bộ Xây dựng trên địa bàn huyện là 58.580/58.580 căn nhà, đạt tỷ lệ 100%, tăng 19,5% so với năm 2014. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.10. Về thu nhập

Thu nhập nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, là một trong mục tiêu quan trọng cần đạt được, huyện đã huy động mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh để phát triển các ngành kinh tế: Tổ chức thực hiện chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Khuyến khích nhân dân đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, thông qua các chính sách hỗ trợ của nhà nước, kết quả giai đoạn 2015 - 2022 tổng nguồn vốn đầu tư cho sản xuất nông nghiệp ước đạt 12.500 tỷ đồng. Trong đó, nguồn ngân sách hỗ trợ là 7,8 tỷ đồng, nhân dân vay vốn các tổ chức tín dụng đầu tư là 9.990 tỷ đồng và nguồn vốn nội lực trong dân là 2.502,2 tỷ đồng.

Ước thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện năm 2022 đạt 84 triệu đồng/người/năm, tăng 2,2 lần năm 2014 (84/37,6 triệu đồng/người/năm). Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

hộ nghèo B - tất cả 14 xã nông thôn không còn hộ nghèo A (hộ nghèo có lao động). Đạt tiêu chí của hộ nghèo về nông thôn mới nâng cao, trong đó: Kết quả thực hiện cụ thể:

- Giai đoạn 2015-2020: Có 2.205 hộ thoát nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3,86% đầu năm 2015 xuống còn 0,79% vào cuối năm 2020 (tương ứng còn 434 hộ nghèo B - tất cả 14 xã nông thôn không còn hộ nghèo A (hộ nghèo có lao động)).

- Giai đoạn 2021-2022: Có 446 hộ thoát nghèo, đưa tỷ lệ hộ nghèo từ 1,15% (tương ứng 683 hộ) xuống còn 0,56% (tương ứng còn 308 hộ hộ nghèo B- tất cả 14 xã nông thôn đã giảm hết hộ nghèo A (hộ nghèo có lao động)).

Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.12. Về lao động

UBND huyện triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách về lao động, việc làm; hỗ trợ phát triển thị trường lao động. Kết quả thực hiện tiêu chí về lao động, cụ thể:

- Chỉ tiêu 12.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ): toàn huyện có 118.400 lao động qua đào tạo/139.294 lao động có việc làm thường xuyên đạt 85,02%, đạt so với chỉ tiêu. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 12.2 Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ): Toàn huyện có 49.031 lao động có bằng cấp chứng chỉ nghề/139.294 lao động có việc làm thường xuyên đạt 35,2%, đạt so với chỉ tiêu. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 12.3 Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn: 14/14 xã đều đạt trên 50% lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực, trong đó các xã Xuân Định, Lang Minh, Xuân Thành, Xuân Phú, Xuân Hòa, Xuân Trường, Xuân Thọ, Xuân Bắc, Suối Cao, Bảo Hòa có ngành nghề chủ lực là Nông nghiệp (Trồng trọt, chăn nuôi); các xã Xuân hiệp, Suối Cát có ngành kinh tế chủ lực là Thương mại - Dịch vụ (Dịch vụ kinh doanh, buôn bán...); xã Xuân Tâm có 2 ngành kinh tế chủ lực là ngành công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và Thương mại - Dịch vụ; xã Xuân Hưng có 02 ngành kinh tế chủ lực là ngành Nông nghiệp và Ngành công nghiệp - Xây dựng. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.13. Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

Thực hiện chủ trương phát triển kinh tế ổn định, bền vững từng bước nâng cao giá trị sản xuất của các loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện, UBND huyện đã chỉ đạo các ngành chuyên môn phối hợp với các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động hình thành các liên kết trong sản xuất. Kết quả thể hiện ở các chỉ tiêu:</

hiện trên cả 02 mặt: Tính tập thể và hiệu quả kinh tế. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 13.2 Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương có thời hạn: Toàn huyện có 21 sản phẩm OCOP được xếp hạng, trong đó 14/14 xã đều có sản phẩm OCOP. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 13.3 Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm: Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 13.4 Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã: Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 13.5 Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử: Các sản phẩm chủ lực của các xã được cập nhật lên sàn thương mại điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử huyện và được bán qua các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, Tiktok, Youtube, Fanpage.... Kết quả thống kê, tỷ lệ sản phẩm chủ lực của các xã được bán qua kênh thương mại điện tử đều đạt trên 10%. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 13.6 Về vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trồng: Các xã đã hình thành các vùng sản xuất cây trồng chủ lực tập trung. Các vùng sản xuất tập trung cây chủ lực của các xã đã được lập hồ sơ cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc điện tử. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 13.7 Có triển khai quảng bá hình ảnh du lịch của xã thông qua Internet, mạng xã hội: Huyện đã xây dựng chuyên mục du lịch các xã trên trang thông tin điện tử huyện, thường xuyên cập nhật thông tin về các điểm du lịch của các xã lên chuyên mục du lịch trang thông tin điện tử huyện và qua các Website du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 13.8 Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị: Có 18 mô hình sản xuất nông nghiệp đang xây dựng ở 14 xã. Đến nay có 15/18 mô hình đạt tiêu chuẩn mô hình xây dựng kiểu mẫu. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 13.9 Xã có ít nhất nhãn hiệu hàng hóa: Trên địa bàn huyện có 61 nhãn hiệu hàng hóa cho các hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn huyện (trong đó có 44 nhãn hiệu đã được cấp văn bằng bảo hộ chứng nhận độc quyền), tăng 58 nhãn hiệu so với năm 2014. 14/14 xã đều có ít nhất 01 nhãn hiệu được chứng nhận. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.14. Về y tế

Tăng cường nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe toàn dân

- Chỉ tiêu 14.2 Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe: Tổng số người được quản lý sức khỏe trên phần mềm khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn 188.687/201.064 người, chiếm tỷ lệ 93,84%. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 14.3 Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa: Tổng số người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa 83.361/201.064 người, chiếm tỷ lệ 41,46%. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 14.4 Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: Tổng số dân có sổ khám chữa bệnh điện tử 182.438/201.064 người, chiếm tỷ lệ 90,74%. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.15. Về hành chính công

- Chỉ tiêu 15.1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: Huyện đã triển khai, ứng dụng phần mềm Egov tại cấp huyện và cấp xã từ năm 2014 đến nay. Hàng năm, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa là đều đạt 100%. Ngoài ra, UBND huyện triển khai tra cứu, khai thác thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư trên Hệ thống phần mềm một cửa và sử dụng Kho quản lý dữ liệu điện tử để giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 15.2 Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên: UBND huyện đã triển khai thực hiện đối với tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã, cụ thể toàn huyện có 524 thủ tục, trong đó thủ tục dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình: 279 thủ tục (trong 279 thủ tục: Dịch vụ công trực tuyến một phần là 45 thủ tục và toàn phần là 229 thủ tục). Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình quý I/2023 đạt: 7.146/11.360, đạt 62,9% hồ sơ. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 15.3 Giải quyết thủ tục hành chính, không để xảy ra khiếu kiện vượt cấp: 14/14 xã duy trì tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn luôn được duy trì ở mức trên 98%, nhằm nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, không để xảy ra các khiếu nại vượt cấp. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.16. Về tiếp cận pháp luật

Hàng năm, huyện ban hành các kế hoạch để tổ chức, triển khai thực hiện chương trình phổ biến pháp luật; kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hoàn giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước trên địa bàn huyện Xuân Lộc. Kết quả thực hiện tiêu chí, cụ thể:

- Chỉ tiêu 16.1 Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: 14/14 xã thực hiện đa dạng

- Chỉ tiêu 16.2 Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành: Các xã đã thực hiện việc cấp kinh phí hỗ trợ cho việc tổ chức hòa giải đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải cơ sở; Nghị quyết 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và hòa giải cơ sở, với mức chi 200.000đ/vụ hòa giải thành. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 16.3 Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: UBND các xã thực hiện tư vấn pháp luật trực tiếp cho 162 đối tượng về các lĩnh vực: Hôn nhân và gia đình, chính sách người có công, người cao tuổi, dân sự, đất đai, hành chính, an toàn giao thông, bạo lực gia đình theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý gồm: Người có công với cách mạng, Người thuộc hộ nghèo, Trẻ em, Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đánh giá 11/14 xã đạt chỉ tiêu (Xuân Hòa, Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Thành, Xuân Trường, Xuân Bắc, Xuân Thọ, Xuân Hiệp, Xuân Phú, Suối Cát và Lang Minh).

5.17. Về môi trường

Công tác bảo vệ môi trường luôn được huyện quan tâm và gắn với từng bước thực hiện kinh tế tuần hoàn, để chỉ đạo thực hiện; đặc biệt, là thường xuyên tổ chức tuyên truyền gắn liền với công tác kiểm tra. Qua đó, các hộ dân trên địa bàn huyện, các cơ sở sản xuất kinh doanh đã nâng cao nhận thức, nắm rõ các quy định về bảo vệ môi trường và tự giác thực hiện trong công tác bảo vệ môi trường đặc biệt là công tác quản lý chất thải rắn và xây dựng cảnh quan môi trường xanh-sạch-đẹp. Kết quả cụ thể:

- Chỉ tiêu 17.1 Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm) nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường: Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất- kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.3 Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý theo quy định: Huyện có 09 HTX thu gom rác với 26 phương tiện thu gom hiện đại, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; đã xây dựng Khu liên hợp xử lý Xuân Tâm của Công ty TNHH Cù Lao Xanh xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.4 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp. Đánh giá 14/1

- Chỉ tiêu 17.6 Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: trước khi chất thải rắn công nghiệp được thải bỏ lộ thiên tại các bãi rác tạm; chất thải nguy hại bỏ lẫn trong chất thải công nghiệp và chất thải sinh hoạt thì các doanh nghiệp trong khu công nghiệp hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động. Đối với chất thải nguy hại trong nông nghiệp và nguy hại trong sinh hoạt hộ gia đình đến nay đã được bố trí cổng bi và pano tuyên truyền hướng dẫn, được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom với tần suất 1-2 lần/năm, đảm bảo nhu cầu sử dụng và đảm bảo công tác vệ sinh môi trường. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.7 Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường: Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch: Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.10 Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng: Hình thức chôn cất một lần và hung táng có chiều hướng giảm, thay vào đó là hình thức hỏa táng ngày càng tăng lên. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng tại các xã năm 2022 đạt trên 10%, đạt chỉ tiêu. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Các khu trung tâm, các điểm dân cư nông thôn hiện hữu, quy hoạch mở rộng theo quy hoạch xây dựng chung, kết quả các điểm dân cư nông thôn đã bố trí diện tích trồng cây xanh theo các công trình, hạ tầng kỹ thuật (vườn hoa, sân chơi, cây xanh tạo cảnh quan bóng mát) nhằm tạo bóng mát, bảo vệ môi trường, cảnh quan cho người dân trên địa bàn; bình quân diện tích cây xanh trên đầu người đạt 4,1 m²/người. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 17.12 Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.18. Về chất lượng môi trường sống

Huyện thực hiện đồng bộ các giải pháp: Phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; tăng cường năng lực tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường; tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường sống, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trong đó, chú trọng phát triển hệ thống cấp nước sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với việc xử lý chất thải

công trình CNTT Tâm Hưng Hòa, công trình CNTT xã Lang Minh và Xuân Phú. Tổng công suất thực tế 4 công trình cấp nước tập trung là 16.866 m³/ngày đêm; tổng công suất thực tế sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt của hộ dân là 13.542 m³/ngày đêm; tỷ lệ thất thoát nước là 10%; mức tiêu thụ nước sạch bình quân đầu người (ngày trung bình trong năm) là 124 lít/người/ngày.đêm. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 18.3 Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: 04 công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện được đánh giá có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 18.4 Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: hàng năm 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được tập huấn về an toàn thực phẩm. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 18.5 Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: 14/14 xã không có xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 18.6 Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: Các cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn đều đã được Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện cấp giấy chứng nhận về an toàn thực phẩm. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 18.7 Tỷ lệ hộ có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch: 100% hộ gia đình trên địa bàn các xã có nhà tắm, nhà tiêu, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, an toàn và đảm bảo 3 sạch. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu 18.8 Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã được vận chuyển về khu xử lý của Công ty TNHH Cù Lao Xanh tại ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc xử lý, chôn lấp và đảm bảo vệ sinh môi trường. Đánh giá 14/14 xã đạt chỉ tiêu.

5.19. Về quốc phòng và an ninh

Đây là một trong những tiêu chí quan trọng cho sự phát triển bền vững: Huyện đã lãnh đạo triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, kịp thời các văn bản của Trung ương và của Tỉnh ủy về nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương và công tác đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới.

Ban Chỉ huy quân sự (CHQS) các xã ngày càng nâng cao hiệu quả hoạt động, tham mưu kịp thời cho Đảng ủy, UBND cùng cấp trong triển khai thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng địa phương. Tỷ lệ Dân quân

Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động và các quy chế phối hợp giữa Công an huyện và Ủy ban MTTQVN huyện, các đoàn thể trong đảm bảo an ninh trật tự; chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng xã, thị trấn, khu, ấp, tổ nhân dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự, không có tội phạm và tệ nạn xã hội; tập trung huy động nguồn lực để lắp đặt camera an ninh. Lực lượng Công an-Quân sự thực hiện tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu và triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch, phương án về bảo đảm an ninh trật tự đã đề ra. Kết quả các lực lượng đã phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, vô hiệu hóa hoạt động của số đối tượng phản động, cực đoan chống đối; tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo an toàn giao thông. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững ổn định.

6. Về kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao

6.1. Tiêu chí số 1 về quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn.

- Chỉ tiêu 1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai tại Văn bản số 4566/TB-UBND ngày 16/6/2015 để định hướng không gian tổng thể hạ tầng và kinh tế xã hội của huyện, tạo cơ sở pháp lý cho việc đầu tư phát triển hài hòa trong xây dựng đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện; xây dựng các chương trình kế hoạch và đề ra các chính sách phát triển các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt theo Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 05/6/2019, đến nay còn hiệu lực. Thực hiện quy hoạch chi tiết Khu liên hợp công nông nghiệp Dofico là một khu đầu tư hỗn hợp (Trồng trọt, chăn nuôi, chế biến sản phẩm nông nghiệp,

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.2. Tiêu chí số 2 về giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1. Hệ thống giao thông đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa: Đạt

- Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiều sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 100%

- Chỉ tiêu 2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại III trở lên: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Phát huy những thành quả đạt được trong giai đoạn trước, huyện tiếp tục xác định đầu tư hạ tầng giao thông phải đi trước một bước để tạo tiền đề, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Những năm qua, huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng giao thông liên xã, liên vùng, đảm bảo kết nối ngày càng sâu rộng giữa các vùng, khu vực, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cho nhu cầu đi lại của người dân, thúc đẩy giao thương mua, bán hàng hóa và giao lưu văn hóa giữa các địa bàn.

- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện:

* Chỉ tiêu 2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa. Đường huyện đến nay có tổng chiều dài 125,9 km; tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%.

* Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiều sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: Đường huyện có tổng chiều dài 125,9 km; tỷ lệ nhựa, bê tông hóa đạt 100%; có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiều sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

* Chỉ tiêu 2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại III trở lên: Bến xe Xuân Lộc tại trung tâm huyện (đ

* Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường (tiêu chí huyện nông thôn mới): trên địa bàn huyện Xuân Lộc có 17 tuyến đường huyện quản lý với tổng chiều dài 125,9 km đều có cây xanh đạt yêu cầu tiêu chí.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.3. Tiêu chí số 3 về thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Yêu cầu tiêu chí

- Chỉ tiêu 3.1 Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số.

- Chỉ tiêu 3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện: Đạt.

- Chỉ tiêu 3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Khá.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Huyện đã xây dựng hoàn thành hồ chứa nước Gia Măng; tiếp tục đầu tư 19,656 km hệ thống kênh mương trên địa bàn các xã. Đến nay, trên địa bàn hiện có 3 công trình đập, hồ chứa loại lớn gồm hồ Gia Măng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le với tổng dung tích ứng với mực nước dâng bình thường là 18,82 triệu m³, 02 công trình thủy lợi nhỏ do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai quản lý gồm đập dâng Lang Minh, đập dâng Suối Nước Trong; 07 công trình thủy lợi nhỏ do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện quản lý gồm: Đập dâng Gia Liêu 1, đập dâng Gia Liêu 2, đập dâng Bưng Cần, đập Tân Bình 1, Tân Bình 2, Trạm bơm Mu Rùa.

Song song đó, công tác phòng chống thiên tai được huyện quan tâm chỉ đạo. Khi xảy ra áp thấp nhiệt đới, bão hoạt động trên biển Đông, huyện đã có văn bản kịp thời chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện chủ động triển khai thực hiện các biện pháp, giải pháp cụ thể nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, với tinh thần phát huy nội lực hệ thống chính trị và người dân cùng tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, thực hiện theo phương châm “Chủ động; tích cực phòng tránh; đồng thời khắc phục nhanh và có hiệu quả khi có tình huống xảy ra”.

kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi không có nguồn nước xả thải vào công trình thủy lợi.

* Chỉ tiêu 3.3: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: Hàng năm, UBND huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch, phương án và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (PCTT và TKCN) trên địa bàn huyện kịp thời, hiệu quả. Kết quả kiểm tra tại các xã, thị trấn đã thực hiện công tác phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ” khá tốt. Lực lượng dự kiến huy động từ các cơ quan, đơn vị đến các xã, thị trấn tham gia công tác phòng, tránh, ứng phó khi thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đảm bảo khoảng 5.254 người. Trong đó, lực lượng chuyên trách cấp huyện khoảng 274 người; lực lượng của các xã, thị trấn khoảng 4.980 người. Phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động để phòng, tránh, ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, lụt gồm có phương tiện, trang thiết bị cơ động chỉ viện của huyện và phương tiện, trang thiết bị tại chỗ của các xã, thị trấn.

Qua đánh giá tổng điểm thực hiện công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn huyện đạt trên 85 điểm, xếp loại tốt.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.4. Tiêu chí số 4 về điện

a) Yêu cầu tiêu chí: Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan: Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Thời gian qua, huyện đã nỗ lực sớm hoàn thành tiêu chí số 4 về điện nên hệ thống lưới điện, chất lượng điện áp ở nông thôn được cải thiện đáng kể, mạng lưới điện ngày càng hoàn thiện, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Huyện đã tập trung chỉ đạo thực hiện, rà soát đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2015-2020, giai đoạn 2021-2025; chương trình điện trung thế nông thôn hàng năm để đầu tư xây dựng các công trình điện trung thế và trạm biến áp phục vụ nhân dân sản xuất, sinh hoạt; khuyến khích các doanh nghiệp tự đầu tư xây dựng lưới điện trung, hạ thế và trạm biến áp; đồng thời chỉ đạo UBND các xã hợp vận động nhân dân triển khai đầu tư điện hạ thế.

- Các nội dung đã thực hiện: Giai đoạn 2015-2022,

174,77 km đường dây trung thế 1 pha; 1.215,52 km đường dây hạ thế 1 pha; 761 trạm biến áp 1 pha với công suất 66.345 kVA), tăng 272,5 km đường dây trung thế, 519 km đường dây hạ thế, 104 trạm biến áp với công suất 113.940 kVA so với năm 2014. Hệ thống điện trung thế liên xã được đầu tư trên địa bàn huyện đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 95\%$.

- Chỉ tiêu 5.2. Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao.

- Chỉ tiêu 5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả

- Chỉ tiêu 5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

- Chỉ tiêu 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục; Cấp độ 2

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: huyện Xuân Lộc đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các xã phát huy thành quả đạt được, chú trọng ưu tiên thực hiện và đã đạt một số kết quả tích cực. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo đã tiếp tục phát triển mạnh mẽ, cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học được tập trung đầu tư theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Việc khám chữa bệnh cho người dân nông thôn được quan tâm nâng chất, ngày càng phục vụ tốt hơn, cơ sở vật chất y tế từng bước hiện đại hóa trang thiết bị. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội tiếp tục được triển khai thực hiện có

Bên cạnh đó, trên địa bàn 15 xã, thị trấn đều được triển khai lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao đơn giản, được đặt tại các khu đất công, thuận lợi cho nhân dân tiếp cận và sử dụng, bên cạnh đó các khuôn viên này cũng được chỉnh trang sạch đẹp, trồng các mảng xanh và lắp đặt hệ thống chiếu sáng nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của người dân tham gia tập luyện. Ngoài ra trên địa bàn huyện, gắn với công tác xã hội hóa của doanh nghiệp, đã đầu tư xây dựng công viên văn hóa, thể thao tại Khu công nghiệp Dona Standar Xuân Lộc và được trang bị nhiều bộ dụng cụ thể dục thể thao, sân tập thể thao...

* Chỉ tiêu 5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả: Di tích Quốc gia danh lam thắng cảnh núi Chứa Chan, Di tích căn cứ Rừng Lá xã Xuân Hòa và Danh thắng hồ Núi Le thị trấn Gia Ray được quan tâm bảo vệ và phát huy giá trị di tích danh thắng, hàng năm được quản lý tu bổ và tôn tạo, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý văn hóa và phát triển du lịch. Các di tích xếp hạng trên địa bàn được bảo vệ, không bị lấn chiếm, xâm hại, không để xảy ra tình trạng mất cắp hiện vật. Các di tích thường xuyên tổ chức các hoạt động đón tiếp các đoàn khách tham quan, các hoạt động về nguồn, giáo dục truyền thống, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu lịch sử, văn hóa di tích cho học sinh, cán bộ, đảng viên và Nhân dân, góp phần tôn vinh giá trị di sản.

* Chỉ tiêu 5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: trên địa bàn huyện có 03/03 trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (tỷ lệ 100%); số trường đạt chuẩn mức độ 2 là 01/3 trường (0,33%). Kết quả cụ thể, Trường THPT Xuân Lộc đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 theo Quyết định số 4675/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh; Trường THPT Xuân Hưng được công nhận trường đạt chuẩn Quốc năm 2018 giai đoạn 2010 – 2020 theo Quyết định số 4555/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai; Trường THPT Xuân Thọ được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 4555/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai.

* Chỉ tiêu 5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hiện đã hoàn thành hồ sơ kiểm định chất lượng giáo dục và trình Sở Giáo dục và Đào tạo tại

6.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ: Đạt

- Chỉ tiêu 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến: Đạt

- Chỉ tiêu 6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2, hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định: Đạt

- Chỉ tiêu 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả: Đạt

- Chỉ tiêu 6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội: Đạt

- Chỉ tiêu 6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả (Tiêu chí huyện nông thôn mới). Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Nhằm để không gian kinh tế phát triển hài hòa, bền vững, thời gian qua, huyện tiếp tục xác định phát triển kinh tế dựa trên các trụ cột chính là công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp và du lịch - dịch vụ; trong đó nông nghiệp tiếp tục là lợi thế gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, các ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm; đồng thời, chú trọng thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch để dần trở thành những ngành kinh tế quan trọng của huyện. Ngay từ khi khu công nghiệp huyện được thành lập, huyện đã tập trung kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất trong khu công nghiệp; hỗ trợ và tạo điều kiện về cơ sở pháp lý cho đơn vị hoạt động hiệu quả, sản xuất ngày càng phát triển.

Trong sản xuất nông nghiệp huyện đã đề ra hướng đột phá cần tập trung đẩy mạnh, đó là: “Đẩy mạnh ứng dụng khoa học vào sản xuất, xây dựng các chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ, gắn với phát triển công nghệ bảo quản, chế biến sâu đối với nông sản chủ lực của

xây dựng và đăng tải trên cổng thông tin điện tử huyện Tour Du lịch Nông thôn mới, lập trang Facebook về du lịch Xuân Lộc, trang Fanpage về Du lịch, các tài liệu về tổng quan du lịch huyện Xuân Lộc... nhằm quảng bá các sản phẩm đặc trưng, những mô hình sản xuất kinh tế hiệu quả, năng suất cao, những di tích, danh thắng nổi bật đến nhân dân dân, du khách trong và ngoài địa phương.

- Các nội dung và khối lượng đã thực hiện:

* Chỉ tiêu 6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ: Khu công nghiệp Xuân Lộc được khởi công xây dựng năm vào năm 2005, có tổng diện tích 108,82 ha, trong đó diện tích trồng cây xanh là 16,177ha, diện tích giao thông 17,109 ha; diện tích khu xử lý nước thải 1,46 ha, diện tích cho thuê sản xuất công nghiệp là 70,521 ha, diện tích đất dịch vụ, nhà điều hành là 3,556 ha. Đến nay, khu công nghiệp huyện Xuân Lộc có 06 đơn vị đầu tư sản xuất công nghiệp trong phần diện tích cho thuê sản xuất công nghiệp với tổng diện tích là 64,109 ha, chiếm tỷ lệ 90,91%.

* Chỉ tiêu 6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến: Huyện đã ban hành Quyết định số 13069/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 về ban hành danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp huyện giai đoạn 2021-2025. Toàn huyện có 44 vùng trồng tập trung đối với cây chủ lực đã được lập hồ sơ cấp mã vùng trồng và đảm bảo hạ tầng kỹ thuật về nguồn điện, đường giao thông và hạ tầng về thủy lợi. Hầu hết các vùng sản xuất tập trung đều đã được ứng dụng quy trình kỹ thuật sản xuất tiên tiến, sản xuất ứng dụng công nghệ cao và đang từng bước hướng đến sản xuất an toàn theo hướng hữu cơ.

* Chỉ tiêu 6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định: Trên địa bàn huyện, có 14 chợ hoạt động theo quy hoạch; trong đó, có 05 chợ hạng 2 gồm chợ Xuân Hưng, chợ Suối Cát, chợ Bảo Hòa, chợ Xuân Đà và chợ Xuân Lộc, thị trấn Gia Ray.

* Chỉ tiêu 6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu

du lịch của huyện (<http://xuanloc.dongnai.gov.vn/Pages/news.aspx>). Đến nay đã thực hiện hơn 35 bài viết liên quan đến hoạt động du lịch trên địa bàn huyện.

Đồng thời chuyên mục du lịch của huyện có kết nối với website du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung tâm xúc tiến du lịch của tỉnh Đồng Nai, đã góp phần tích cực thu hút đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn.

* Chỉ tiêu 6.4: Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả (Tiêu chí huyện nông thôn mới)

Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện được thành lập năm 2019 trên cơ sở hợp nhất các Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông và Ban Quản lý Khai thác công trình thủy lợi huyện (Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai). Hàng năm trung tâm xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện đánh giá kết quả hoạt động. Những năm qua, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp hoạt động ổn định, hiệu quả.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định: $\geq 95\%$

- Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%

- Chỉ tiêu 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường: $\geq 80\%$.

- Chỉ tiêu 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: $\geq 70\%$

- Chỉ tiêu 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp: ≥ 5

chất thải hộ dân đăng ký tự xử lý). Trong đó khối lượng chất thải sinh hoạt được thu gom và đưa về Khu xử lý Xuân Tâm khoảng 90 tấn/ngày để xử lý bằng phương pháp sản xuất mùn compost (tỷ lệ chôn lấp dưới 15%); khối lượng do người dân đăng ký tự xử lý tại nhà đúng quy định khoảng 20 tấn/ngày chủ yếu là rác hữu cơ dùng làm thức ăn chăn nuôi và ủ phân bón tại nhà.

Tình hình thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện: Tổng số hộ dân tham gia đăng ký thu gom, xử lý rác tại Khu xử lý Xuân Tâm là 52.147/58.875 hộ, đạt 88,57% tăng 2.362 so với cuối năm 2022; số hộ đăng ký tự xử lý hợp vệ sinh tại nhà 6.728/58.875 hộ, đạt 11,43%, giảm 1.833 hộ so với năm 2022.

Về chất thải rắn không nguy hại

+ Chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh: Tổng khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh năm 2022 tại Khu Công nghiệp (KCN) Xuân Lộc là 9.073,642 tấn. Chất thải công nghiệp không nguy hại được các đơn vị hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

+ Chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tạo các cơ sở kinh doanh: Có 184 cơ sở sản xuất kinh doanh (có quy mô lớn) nằm ngoài Khu công nghiệp. Chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh tại các sở được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định, đạt 100%.

* Chỉ tiêu 7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải nguy hại hộ gia đình: Trong năm 2022, Công ty TNHH Cù Lao Xanh và UBND các xã, thị trấn tổ chức thu gom, vận chuyển được 13.920 kg chất thải nguy hại từ hộ gia đình và bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Khối lượng chất thải được thu gom được Công ty TNHH Cù Lao Xanh xử lý theo đúng quy định. Ngoài ra, trong năm 2022, UBND huyện đã thực hiện các cụm của Chương trình “Đổi chất thải nguy hại lấy quà tặng” với khối lượng chất thải là 2.625,5 kg và được Công ty TNHH Cù Lao Xanh thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Chất thải nguy hại phát sinh tại Khu công nghiệp Xuân Lộc: Tổng khối lượng chất thải

địa bàn được đơn vị Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định.

* Chỉ tiêu 7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường: Phụ phẩm cây trồng nông-lâm nghiệp: Các hộ dân đã thực hiện cày vùi hoặc phay; ép xanh theo rãnh hoặc phủ luống; vùi trong hố đa năng hoặc che phủ gốc cây trồng; che phủ đất; ủ làm phân bón hữu cơ; phơi khô; ủ chua làm thức ăn chăn nuôi và làm vật liệu độn chuồng, đệm lót sinh học trong chăn nuôi; các giải pháp, biện pháp xử lý khác tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

* Chỉ tiêu 7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: UBND huyện tiếp tục thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai đề án phân loại rác tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020, tổ chức triển khai phân loại tại nguồn đến 13 phòng ban chuyên môn huyện, 09 đơn vị trực thuộc UBND huyện, trang bị 525 thùng rác phân loại cho 69 trường học (tiểu học và trung học cơ sở) và 40 thùng rác phân loại cho UBND các xã, thị trấn. Đến nay, số hộ thực hiện phân loại tại nguồn trên địa bàn huyện là 41.933/58.875 hộ, đạt tỷ lệ 71,22%.

* Chỉ tiêu 7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp: Ước tính mỗi ngày trên địa bàn huyện Xuân Lộc phát sinh lượng nước thải sinh hoạt khoảng 18.000 m³/ngày.đêm. Nước thải từ các hộ gia đình trên địa bàn huyện được xử lý bằng hầm tự hoại (công trình thiết bị xử lý tại chỗ) đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường và theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2155/BTNMT-TCMT ngày 27/4/2022 về việc hướng dẫn một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 01 Dự án xây dựng Khu tái định cư tại thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc (phục vụ dự án đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây) nằm trên khuôn viên đất khoảng 94.597,6 m²

giai đoạn 2026-2035, UBND thị trấn Gia Ray đã xây dựng dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải với công suất tính toán lấy tròn $Q = 6.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$ diện tích chiếm đất 1,5 ha (giai đoạn đầu công suất khoảng $1.200 - 1.500 \text{ m}^3/\text{ng.đ}$) kiến nghị công nghệ xử lý nước thải cho trạm xử lý áp dụng công nghệ tiên tiến ASPR và xây dựng kín; giai đoạn sau năm 2025, đầu tư xây dựng hệ thống nước thải sinh hoạt riêng bao gồm mạng lưới và nhà máy xử lý nước thải; đồng thời xây dựng các tuyến ống thu gom nước thải dọc theo các tuyến đường để thu gom nước thải từ các khu chức năng đưa ra. Ngoài ra, trong thời gian tới huyện sẽ rà soát và yêu cầu các cơ sở sản xuất phải xây dựng công trình thu gom và xử lý nước thải.

* Chỉ tiêu 7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Tại các hệ thống khu trung tâm (điểm dân cư số 1), các điểm dân cư nông thôn hiện hữu, quy hoạch mở rộng theo quy hoạch xây dựng chung của các xã trên địa bàn huyện được rà soát, bố trí diện tích trồng cây xanh theo các công trình, hạ tầng kỹ thuật (vườn hoa, sân chơi, cây xanh tạo cảnh quan bóng mát) nhằm tạo bóng mát, bảo vệ môi trường, cảnh quan cho người dân trên địa bàn. Kết quả đến nay, bình quân diện tích cây xanh trên đầu người đạt $4,1 \text{ m}^2/\text{người}$.

* Chỉ tiêu 7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện: Trên địa bàn huyện không có làng nghề, hiện có 01 khu công nghiệp và 01 cụm công nghiệp; ngành nghề chủ yếu tại KCN Xuân Lộc là ngành nghề may mặc, gia công; thu hút được nguồn lao động từ nhiều địa phương khác. Khu Công nghiệp Xuân Lộc có nhà máy xử lý nước thải hoạt động hiệu quả, đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Cụm công nghiệp Xuân Hưng chưa hoạt động.

* Chỉ tiêu 7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái chế, xử lý theo quy định.

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Xuân Lộc phát sinh khoảng 110 tấn/ngày. Trong đó, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được HTX thu gom, vận chuyển về Khu xử lý Xuân Tâm để xử lý bằng phương pháp sản xuất phân hữu cơ là 90 tấn/ngày; khối lượng chất thải do người dân tự xử lý bằng phương pháp tận dụng chăn nuôi, ủ phân bón cho cây trồng là 19,5 tấn/ngày, khối lượng các loại chất thải còn lại phát sinh rất ít (khoảng 0,5 tấn), chủ yếu người dân thu gom bao bì ni lông

Ngoài ra, trên địa bàn huyện có 101 cơ sở thu mua phế liệu (nhựa, sắt, giấy,...); các cơ sở này thu mua và hợp đồng với các đơn vị tái chế trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để tái chế.

c) Đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: 48%

- Chỉ tiêu 8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: ≥ 80 lít

- Chỉ tiêu 8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: $\geq 40\%$

- Chỉ tiêu 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường: ≥ 01 mô hình.

- Chỉ tiêu 8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Đạt

- Chỉ tiêu 8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%

- Chỉ tiêu 8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 100%

- Chỉ tiêu 8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện: Không

- Chỉ tiêu 8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh: Có.

b) Kết quả thực hiện:

- Tình hình triển khai thực hiện: Huyện đã triển khai quyết liệt và đồng bộ các giải pháp trong thực hiện tiêu chí

trên địa bàn huyện đạt 87.23% (trong đó tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung 68%).

* Chỉ tiêu 8.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: Tổng công suất thực tế 4 công trình cấp nước tập trung là 16.866 m³/ngày đêm; tổng công suất thực tế sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt của hộ dân là 13.542 m³/ngày đêm; tỷ lệ thất thoát nước là 10%; mức tiêu thụ nước sạch bình quân đầu người (ngày trung bình trong năm) là 124 lít/người.ngày đêm.

* Chỉ tiêu 8.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: Trên địa bàn huyện hiện có 04 công trình cấp nước tập trung (viết tắt là CNTT), trong đó, có 02 công trình quy mô lớn sử dụng nguồn nước mặt và 04 công trình CNTT sử dụng từ nguồn nước dưới đất (nước ngầm) gồm: Công trình CNTT Núi Le sử dụng nước mặt hồ Núi Le và công trình CNTT Tâm Hưng Hòa sử dụng nước mặt hồ Gia Ui thuộc Công ty Cổ Phần cấp nước Đồng Nai đầu tư xây dựng, quản lý; công trình CNTT xã Lang Minh và Xuân Phú sử dụng nước dưới đất, đầu tư từ ngân sách nhà nước do Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh Đồng Nai quản lý. Đánh giá tình trạng hoạt động: 4 công trình có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững.

* Chỉ tiêu 8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Trên địa bàn huyện có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) tại xã Lang Minh được cải tạo ao có nước tù đọng và sử dụng các cây thủy sinh như bông Sen, bông Súng... để cải tạo thành ao hồ cảnh quan môi trường sạch đẹp có sự thu hút của người dân trên địa bàn huyện và ngoại huyện tham gia.

Xuân Lộc có 03 hồ chứa nước đảm bảo các yêu cầu của chỉ tiêu 8.4, cụ thể:

+ Hồ Núi Le tại Thị trấn Gia Ray có dung tích 3,3 triệu m³/3,5 triệu m³, mục đích sử dụng là cung cấp nguồn nước cho nhà máy nước Núi Le với công suất 8.500 m³/ngày; tiếp nước bổ sung cho hồ Gia Ui vào tháng 3, 4 hàng năm 1.380.000 m³.

chiều dài là 212.520m, được phân bố ở hầu hết các địa phương. Các tuyến đường đã trồng 112.190 cây hoa như: hoàng yến, hoa giấy, hồng lộc, bông trang, anh đào, lá màu, ngũ sắc, sao, dầu, bằng lăng, phượng vĩ....

* Chỉ tiêu 8.6: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 186/186 cơ sở sản xuất thực phẩm có đăng ký kinh doanh được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm, đạt 100%. Về ký cam kết an toàn thực phẩm UBND các xã, thị trấn triển khai cho các cơ sở ký cam kết, đồng thời tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết và xử lý các cơ sở vi phạm cam kết.

* Chỉ tiêu 8.7: Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: Tại cấp huyện có 06 cán bộ làm công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên lĩnh vực nông, lâm, thủy sản; tại các xã hiện mỗi xã có 02 cán bộ làm công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trên lĩnh vực nông, lâm, thủy sản. 100% cán bộ làm công tác quản lý an toàn thực phẩm hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu.

* Chỉ tiêu 8.8: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện: UBND huyện có thành lập tổ điều tra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn huyện (Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 về việc kiện toàn Đoàn điều tra ngộ độc thực phẩm huyện Xuân Lộc). Kết quả năm 2021, 2022 và những tháng đầu năm 2023, trên địa bàn huyện không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện.

* Chỉ tiêu 8.9. Mô hình xã, thôn thông minh: UBND huyện Xuân Lộc chọn xã Xuân Định-huyện Xuân Lộc để đánh giá việc xây dựng mô hình “xã, ấp thông minh”, xã Xuân Định có 3/3 ấp đảm bảo các tiêu chí “mô hình ấp thông minh” đạt tỷ lệ 100%, một số kết quả đánh giá như sau:

+ Về tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh đạt 87,60 %

trên các trục đường chính, ngõ xóm, liên ấp, liên xã với nhiệm vụ là trung tâm kết nối thông tin, dữ liệu, dịch vụ, hạ tầng một cách toàn diện đã thúc đẩy phát triển và đảm bảo tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã.

+ Về tỷ lệ xử lý văn bản và điều hành công việc: 100% cán bộ, công chức (CBCC) xã thực hiện xử lý văn bản trên hệ thống, 100% văn bản đều được xử lý trên môi trường mạng và ký số theo quy định. 100% lãnh đạo UBND xã thực hiện ký số trong việc xử lý văn bản. 100% văn bản được ký số và được gửi, nhận, xử lý trên môi trường mạng: 288/288 đạt 100%. 100% hồ sơ và thủ tục hành chính cấp xã được tiếp nhận và giải quyết trên hệ thống một cửa điện tử theo đúng quy trình (tiếp nhận-xử lý-trả kết quả), lưu trữ, số hóa hồ sơ theo quy định.

+ Về kết quả triển khai, khai thác sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình của xã: UBND xã Xuân Định duy trì 01 phòng họp trực tuyến bố trí các trang thiết bị máy móc, phân công cán bộ phụ trách theo dõi kết nối, đảm bảo thông suốt các cuộc họp trực tuyến kết nối với huyện, tỉnh và Trung ương.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu tiêu chí

6.9. Tiêu chí số 9 về An ninh, trật tự - Hành chính công

a) Yêu cầu tiêu chí

- Chỉ tiêu 9.1 An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao: Đạt.

- Chỉ tiêu 9.2. Có dịch vụ công trực tuyến: Mức độ 4

b) Kết quả thực hiện

- Tình hình triển khai thực hiện: An ninh, trật tự-Hành chính, một trong nhiệm vụ được huyện đặc biệt quan tâm, ngay trong công tác triển khai, thực hiện, huyện đã chỉ đạo lực lượng công an, quân sự từ huyện đến cơ sở, bám sát địa bàn, xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị

thực hiện và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị nhằm huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia phòng, chống tội phạm, bảo đảm tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị-kinh tế-xã hội diễn ra trên địa bàn huyện, chỉ đạo Đảng ủy Công an huyện tập trung lực lượng thực hiện các giải pháp cụ thể để phát hiện, đấu tranh tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, đồng loạt ra quân thực hiện nhiều đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, tập trung triệt phá các băng, ổ nhóm, tụ điểm cờ bạc, mại dâm. Trong đó, tập trung triển khai quyết liệt các kế hoạch phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội tại các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm; phòng ngừa, đấu tranh, xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác, kinh doanh khoáng sản; tăng cường kiểm tra, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật trên lĩnh vực đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, xả thải trái phép ra môi trường. Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể huyện tổ chức phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tuyên truyền và vận động Nhân dân tham gia tấn công trấn áp các loại tội phạm đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện trong dịp Lễ, Tết được 95 cuộc có 14.450 lượt người tham dự, trong đó: Cơ quan, doanh nghiệp được 15 cuộc với 2.400 lượt người tham dự; khu dân cư được 80 cuộc có 12.050 lượt người tham dự. Tổ chức tuyên truyền tại tuyên truyền Luật giao thông đường bộ, Nghị định số 123/2021/NĐ-CP của Chính phủ... tại nơi đăng ký, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông qua băng ghi hình có 73.270 người xem; phối hợp với Liên đoàn lao động huyện tổ chức 14 cuộc 13.750 lượt công nhân tham dự, cấp phát 1500 cuốn tài liệu tuyên truyền; phối hợp với các đơn vị, cơ quan, xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết 12/CP, Luật Giao thông đường bộ, đường sắt, Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt; Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia, các thông tin cảnh báo tình hình vi phạm, tai nạn giao thông do uống rượu, bia điều khiển phương tiện gây ra..., trong đó có 36 chuyên mục với 144 tin, bài với tổng thời lượng tuyên truyền là 30 giờ; hệ thống loa truyền thanh tại 15 xã, thị trấn phát sóng với

tiêu chí 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025: 14/14 (100%) xã đạt tiêu chí 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025, trong đó có có trên 50% xã đạt tiêu chí 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

+ Yêu cầu 3: Số vụ phạm tội về trật tự xã hội trên địa bàn huyện giảm ít nhất 5% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước (trừ trường hợp bất khả kháng): Số vụ phạm tội về trật tự an toàn xã hội: Đến 11/6/2023 trên địa bàn huyện xảy ra 32 vụ phạm pháp hình sự, so với cùng kỳ năm 2022 xảy ra 48 vụ, giảm 33%. Về tội phạm ma túy xảy ra 27 vụ, so với cùng kỳ năm 2022 xảy ra 28 vụ, giảm 01 vụ. Không xảy ra tai nạn giao thông, cháy nổ nghiêm trọng và chưa phát hiện về tệ nạn xã hội.

+ Yêu cầu 4: Không có khiếu kiện đông người trái pháp luật trên địa bàn huyện: Trên địa bàn huyện không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người trái pháp luật.

+ Yêu cầu 5: Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chí 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025: Đến nay trên địa bàn huyện có trên 50% xã đạt tiêu chí 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ tiêu 9.2: Về có dịch vụ công trực tuyến: Trên địa bàn huyện có 524 thủ tục, trong đó thủ tục dịch vụ công mức độ 3, 4 là 279 thủ tục (Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 45 thủ tục, mức độ 4 là 229 thủ tục, tập trung trên tất cả các lĩnh vực về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường; số còn lại là mức độ 3)... đảm bảo cung cấp phục vụ và đáp ứng

bền vững. Phấn đấu đến năm 2025, huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng “Phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững”.

- Phát triển nông thôn mới gắn chặt với triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn. Tập trung xây dựng, hình thành nhiều chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nhất là đối với các cây trồng, vật nuôi có lợi thế của huyện, góp phần nâng cao thu nhập người dân nông thôn, thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững. Phấn đấu đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người toàn huyện đạt 90 triệu đồng/người/năm, giá trị sản phẩm thu hoạch trên ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 220 triệu đồng/ha/năm.

- Phát triển kinh tế gắn với công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ nguồn nước. Phát triển mạnh công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản (chế biến tinh, chế biến sâu). Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với việc khai thác tốt lợi thế của địa phương (Hồ Núi Le, Hồ Gia Măng, Núi Chứa Chan, ...), góp phần thúc đẩy phát triển mạnh kinh tế nông thôn bền vững.

8.2. Nội dung, giải pháp

Căn cứ vào mục tiêu xác định, huyện Xuân Lộc đề ra một số nội dung, giải pháp chủ yếu nâng chất các tiêu chí nông thôn mới nâng cao như sau:

a) Tiêu chí về quy hoạch

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch, tạo không gian phát triển hài hòa, ổn định, khai thác tốt nhất tiềm năng

chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 41:2019/BGTVT - Báo hiệu đường bộ. Bảo trì hệ thống chiếu sáng đường huyện trên tuyến Quốc lộ 1, các tuyến đường tỉnh, đường huyện với tổng chiều dài khoảng 157 km, tổng kinh phí khoảng 700 triệu đồng.

c) Tiêu chí về thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Tiếp tục thực hiện đầu tư hoàn thiện hệ thống kênh mương cấp II nội đồng hồ Gia Măng. Kiến nghị tỉnh quan tâm đầu tư hệ thống trạm bơm điện La Ngà để phục vụ tưới cho 03 xã Xuân Bắc, Xuân Thành, Suối Cao. Nghiên cứu đề xuất chủ trương đầu tư một số công trình theo Quyết định số 4525/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch thủy lợi tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện, chủ động nâng cấp, sửa chữa để tăng diện tích phục vụ tưới trong mùa khô. Khuyến khích nhân dân thực hiện ngăn dòng, tích nước tại các dòng suối nhỏ để phục vụ sản xuất nông nghiệp bằng các đập dâng tạm, đập dâng bán kiên cố; hỗ trợ nhân dân xây dựng các đập tạm, đập bán kiên cố... Tận dụng và khai thác nguồn nước mặt; khai thác hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước ngầm tại các cánh đồng đã có điện sản xuất phát triển diện tích tưới vào mùa khô.

d) Tiêu chí về điện

Tập trung xây dựng các công trình điện thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; phối hợp UBND các xã triển khai đầu tư lưới điện hạ thế sau trạm biến áp các công trình điện nông thôn.

thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh.

+ Phát động phong trào thi đua đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Văn hóa thể thao-Học tập cộng đồng (VHTT-HTCĐ) xã, Nhà văn hóa ấp; phát động phong trào toàn dân tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao. Trong đó chú trọng phát huy giá trị các loại hình văn hóa truyền thống, xây dựng, tiếp tục chỉnh trang mới, hình thành các khu vui chơi tập luyện các môn thể thao đơn giản tại các thiết chế văn hóa, khu vực công viên công cộng.

+ Tiếp tục trang bị thêm các dụng cụ tập luyện thể thao đơn giản phục vụ các đối tượng nhân dân (trẻ em, thanh niên, người cao tuổi...), khuyến khích các đội nhóm văn hóa văn nghệ (VHVN), thể dục thể thao (TDTT) tự phát vào hoạt động trong thiết chế văn hóa từ huyện đến các xã, thị trấn, ấp, khu phố. Có hình thức vận động xã hội hóa để duy trì các câu lạc bộ hoạt động thường xuyên. Kêu gọi cá nhân, tổ chức có nguồn lực đầu tư các dịch vụ văn hóa, thể thao vào Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, xã, có cơ chế ưu đãi và quản lý các hoạt động theo quy định pháp luật.

+ Hoàn thiện các thủ tục và đẩy nhanh các bước quy hoạch để thu hút nhà đầu tư vào Khu phức hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại khu vực núi Chùa Chan và hồ Núi le và các điểm du lịch trên địa bàn, thu hút khách tham quan du lịch trong nước và quốc tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

+ Thường xuyên kiểm tra các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa chấp hành, tuân thủ các quy định pháp luật

non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT - BGDDT, ngày 26/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông và các văn bản hiện hành, xây dựng kế hoạch sửa chữa, xây dựng phòng chức năng còn thiếu để đảm bảo các yêu cầu kiểm định chất lượng và xây dựng trường chuẩn quốc gia theo quy định.

g) Tiêu chí về kinh tế

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp thực chất, hiệu quả, bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, thị trường tiêu thụ sản phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; phát triển du lịch sinh thái, du lịch môi trường rừng, nông lâm kết hợp để phát huy tiềm năng lợi thế của huyện. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), giảm phát thải khí nhà kính... Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng sản xuất nông nghiệp, ưu tiên các công trình, dự án phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Rà soát điều chỉnh kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng, cơ cấu lại các vùng sản xuất và diện tích sản xuất các loại cây trồng, đảm bảo lợi thế cạnh tranh về điều kiện thổ nhưỡng cho từng loại cây trồng, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy chế biến nông sản; chuyển đổi linh hoạt giữa trồng cây lương thực và cây thực phẩm, cây công nghiệp lâu năm và

gian của mặt nước tại các vùng nuôi cá bè trên địa bàn huyện gắn với quản lý khai thác phát triển du lịch.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, làm giàu rừng, đa dạng sinh học, thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có. Phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục tăng cường quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên; đổi mới mô hình tăng trưởng từ dựa vào mở rộng diện tích và khối lượng sang tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Xây dựng các mô hình trồng được liệu dưới tán rừng trồng; nuôi thủy sản sinh thái dưới tán rừng ngập mặn; triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, đẩy mạnh việc kêu gọi các nhà đầu tư tham gia xây dựng các dự án du lịch sinh thái gắn với tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng. Tổ chức rà soát, tập trung trồng rừng đối với diện tích đất lâm nghiệp trên thực tế không có rừng, để đảm bảo bền vững độ che phủ.

Tiếp tục tạo môi trường, động lực phát triển mạnh công nghiệp, trong đó coi công nghiệp chế biến là khâu đột phá, nhất là chế biến nông sản thực phẩm. Phát triển công nghiệp chế biến toàn diện ở các ngành hàng đặc biệt là sơ chế, bảo quản, đóng gói... tạo ra nhiều sản phẩm chế biến tinh và sâu; tập trung phát triển công nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp; phát triển dịch vụ; công nghiệp, thực sự thúc đẩy trở lại cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn; tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cư dân nông thôn. Phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn. Chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch

Tổ chức và duy trì hiệu quả kết quả đăng ký thu gom rác thải sinh hoạt, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đồng bộ từ khâu phát sinh, thu gom đến vận chuyển và xử lý theo Kế hoạch số 85/KH-UBND về việc tổ chức triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn năm 2023 trên địa bàn huyện, để tiếp tục thực hiện theo Chỉ thị 54-CT/TU ngày 24/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 5973/KH-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn năm 2020 - 2025; Công văn số 10777/UBND-KTN ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Tiếp tục tổ chức triển khai Kế hoạch số 7729/KH-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020, triển khai Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể nhân dân với nội dung, hình thức phù hợp, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân trong tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường;

Tăng cường thanh tra, kiểm tra

lượng nguồn nước ngầm, nước mặt và xây dựng phương án cải tạo chất lượng nước (nếu có);

Gắn với thực hiện kinh tế tuần hoàn, xây dựng phương án khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, vật liệu xây dựng, công trình giao thông. lồng ghép cùng các hoạt động hưởng ứng Ngày Nước Thế giới, ngày Quốc tế đa dạng sinh học, Tháng hành động vì môi trường, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn và các sự kiện môi trường trong năm; cùng với các phong trào thi đua xây dựng Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp, Khu dân cư kiểu mẫu, Tổ nhân dân kiểu mẫu để thu hút người dân tham gia các hoạt động dân vận, ra quân trồng cây xanh trên tuyến đường, nạo vét kênh mương, phát quang bụi rậm, thu gom rác, chỉnh trang khuôn viên nhà cửa,...; thúc đẩy xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường kiểu mẫu tại địa phương, phát huy tốt vai trò Tổ tự quản môi trường trong công tác dân vận, nâng cao nhận thức của người dân trong công tác chỉnh trang khuôn viên nhà cửa, tạo sự đoàn kết toàn dân, thực hiện nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường xanh ,sạch, đẹp trên địa bàn từng xã và toàn huyện.

h) Tiêu chí về chất lượng môi trường sống

Đến năm 2025, nâng tỷ lệ người dân trên địa bàn huyện Xuân Lộc được sử dụng nước sạch đạt 90%; trong đó, ưu tiên nâng cao tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung, giảm tỷ lệ người dân sử dụng nước từ công trình nhỏ lẻ hộ gia đình, huyện tập trung:

- Duy trì dân số đã được sử dụng nước sạch đạt QCVN 01 trong sinh hoạt đến năm 2022 từ đầu nối công

- Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Công an tỉnh, UBND tỉnh, UBND huyện về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Công an xã, thị trấn tham mưu cấp ủy, chính quyền huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc với phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện tham mưu cấp ủy, chính quyền chỉ đạo giải quyết ngay từ tại cơ sở các vụ tranh chấp khiếu kiện, không để phát sinh phức tạp, kéo dài; chủ động phòng ngừa phát hiện, ngăn chặn đấu tranh với đối tượng khủng bố, phản động, chống đối cực đoan lợi dụng các vấn đề phức tạp liên quan đến tôn giáo dân tộc, các vấn đề xã hội kích động lôi kéo tụ tập đông người gây phức tạp về an ninh trật tự ở địa bàn nông thôn, bảo đảm an ninh nội địa.

- Thực hiện công tác tuyên truyền; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, củng cố, nhân rộng mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Củng cố lực lượng chuyên trách làm công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và lực lượng nòng cốt bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; tham mưu với cấp ủy, chính quyền tiếp tục sử dụng Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ tham gia bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở. Đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự trong trên địa bàn.

- Thường xuyên biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về trật tự xã hội,

- Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản tại địa bàn nông thôn. Xây dựng duy trì và nhân rộng mô hình phong trào toàn dân phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tiêu biểu hoạt động có hiệu quả điển hình như mô hình “Tổ liên gia an toàn PCCC”, “điểm chữa cháy công cộng”.

- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trên lĩnh vực trật tự an toàn giao thông; chủ động phối hợp với các đơn vị trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân, phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên các tuyến giao thông, địa bàn nông thôn trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự.

- Tuyên truyền cho cán bộ công chức, viên chức các cơ quan đơn vị, người dân trên địa bàn huyện tập trung hưởng ứng và thực hiện tốt chủ đề cải cách hành chính trong năm 2023 “Đoàn kết, kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

- Hồ sơ đề nghị xét công nhận huyện Xuân Lộc đạt chuẩn nông thôn mới đã được UBND huyện hoàn thành đầy đủ, đúng trình tự, đủ thủ tục và hồ sơ được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, thẩm tra, đánh giá đảm bảo theo đúng quy định của Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về thông tin và Truyền thông: 14/14 xã đạt.
- Về nhà ở dân cư: 14/14 xã đạt.
- Về thu nhập: 14/14 xã đạt.
- Về nghèo đa chiều: 14/14 xã đạt.
- Về lao động: 14/14 xã đạt.
- Về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: 14/14 xã đạt.
- Về y tế: 14/14 xã đạt.
- Về hành chính công: 14/14 xã đạt.
- Về tiếp cận pháp luật: 11/14 xã đạt
- Về môi trường: 14/14 xã đạt.
- Về chất lượng môi trường sống: 08/14 xã đạt.
- Về quốc phòng an ninh: 11/14 xã đạt.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao: Huyện Xuân Lộc đạt 9/9 tiêu chí, 38/38 chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao: Huyện Xuân Lộc không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả thực hiện, đối chiếu với Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 18/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan. UBND tỉnh Đồng Nai kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xét công nhận huyện Xuân Lộc đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/..../2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Đã có quy hoạch
		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình	Có công trình
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	100% (129/129 km)
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥ 50%	100%
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	Có bến xe khách
3				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
	- Giáo dục	5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động – thể thao kết nối với các xã	Đạt	Đạt
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	$\geq 60\%$	Đạt
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	Đạt
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp được được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	Đạt
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt	Đạt
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động có hiệu quả	Đạt	Có
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	≥ 01 công trình	Có
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	Đạt
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	4,1 m ²
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	100%
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	100%
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 34\%$	68%
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 35\%$	100%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Đạt
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Có (279 hồ sơ mức độ 4)
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày/..../2023 của UBND tỉnh)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	KQ
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đã có quy hoạch
		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt		Có công trình
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	Có hệ thống giao thông đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng		

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	KQ
	dục	5.2. Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Có
		5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả		Đạt
		5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	Có 3/3 trường đạt mức độ 1 và 01 trường đạt mức độ 2
		5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	Đạt
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lấp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ	Đạt	Đã lấp đầy 90,91%
		6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến		

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	KQ
		7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	90%
		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 70\%$	71,22 (41933/58875)%
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	$\geq 50\%$	88%
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	4,1 m ²
		7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	Không có làng nghề
		7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 85\%$	100%
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy		

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	KQ
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không	Không có sự cố
		8.9. Có mô hình xã, thôn thông minh	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể	Đang xây dựng xã Bảo Hòa
9	An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao	Đạt	Đạt 5/5 yêu cầu
		9.2. Có dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 4	Có (279 hồ sơ mức độ 4)